

Số: 1216 /TĐN-VP  
V/v Công bố thông tin 24h

Cám Phá, ngày 16 tháng 4 năm 2019.

**Kính gửi:** Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty niêm yết: CÔNG TY CỔ PHẦN THAN ĐÈO NAI – VINACOMIN.
2. Mã Chứng khoán: TDN
3. Địa chỉ trụ sở chính: Phường Cẩm Tây, Thành phố Cẩm Phá, Tỉnh Quảng Ninh
4. Điện thoại: (84.0203) 3864 251 Fax: (84.0203) 3863 942
5. Người phụ trách công bố thông tin: Ông Nguyễn Quang Tùng – Nhân viên Công bố thông tin – Chánh Văn phòng Công ty.
6. Nơi giao dịch: HNX.
7. Nội dung của thông tin công bố: Công bố các Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.
  - Biên bản, Nghị quyết ĐHĐCD thường niên năm 2019.
  - Báo cáo Giám đốc về Kết quả SXKD năm 2018 – Kế hoạch SXKD năm 2019;
  - Báo cáo hoạt động HĐQT năm 2018;
  - Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2018;
8. Địa chỉ Website đăng tải thông tin: [www.deonai.com.vn](http://www.deonai.com.vn) - Mục Quan hệ cổ đông – Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 và các Quyết định của Đại hội.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố./

Nơi nhận:

- UBCKNN, Sở GDCK HN;
- Các Cổ đông; Trang Website Công ty;
- HĐQT, BKS, KTT, Lưu VT.

NGƯỜI PHỤ TRÁCH CBTT  
CHÁNH VĂN PHÒNG  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
THAN ĐÈO NAI  
VINACOMIN  
Nguyễn Quang Tùng

CÔNG TY CỔ PHẦN THIAN ĐỀO NAI - VINACOMIN

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019



Đại hội tổ chức Đại hội ngày 16 tháng 4 năm 2019)

MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN	CMND/ĐKKD	ĐƠN VỊ - ĐỊA CHỈ	CP SỐ HỮU	CP ĐƯỢC ỦY QUYỀN	TỔNG SỐ CP DỰ ĐẠI HỘI	KÝ TÊN
1	2	3	4	5	6	7=(5+6)	8
001	Phạm Hồng Tài	100999318	Chủ tịch HĐQT Công ty		19.135.414	19.135.414	
002	Phạm Duy Thanh	100670840	Ủy viên HĐQT-Giám đốc C.Ty		25.711	25.711	
003	Mai Huy Trung	100563896	Ủy viên Thường trực HĐQT	600	679.460	680.060	
004	Đặng Thanh Bình	151233735	Ủy viên HĐQT-PGD Công ty	522		522	
005	Phạm Thị Hải	3,7166E+10	Trưởng ban Kiểm soát		10.000	10.000	
006	Trần Văn Vang	03407300192 9	Ủy viên BKS - TP Kế hoạch	2.208	713	2.921	
007	Nguyễn Thị Yên	100654291	UV.BKS - PVP	7	3.700	3.707	
008	Vũ Thị Hương	100603850	Kế toán trưởng	27.784	15.752	43.536	
009	Nguyễn Văn Thụy	100983005	Bí thư Đảng ủy Công ty	4.784		4.784	
010	Nguyễn Đăng Hưng	100544017	Chủ tịch Công đoàn Công ty	2.576		2.576	
011	Nguyễn Quang Tùng	100514241	Chánh VP - Thư ký Công ty	18.039	27.291	45.330	
012	Nguyễn Danh Tuấn	100976038	TP Tổ chức - Lao động	2.944	8.532	11.476	
013	Phạm Thanh Bình	101024038	TP Đầu tư - Môi trường	2.230	1.972	4.202	
014	Lê Văn Hưng	100603970	QĐ PX Vận tải 5	1.703	48.643	50.346	
015	Nguyễn Thanh Tuấn	100715989	QĐ CT Máy Xúc		86.463	86.463	
016	Phạm Văn Lương	100489992	QĐ Công trường ST-TT	2.579	129.785	132.364	
	<b>Tổng cộng</b>			<b>65.976</b>	<b>20.173.436</b>	<b>20.239.412</b>	<b>68,75</b>

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Số: 08 /NQ-ĐHĐCĐ-2019

Cầm Phà, ngày 16 tháng 4 năm 2019.

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Than Đèo Nai-Vinacomin được sửa đổi bổ sung thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên diễn ra ngày 17/4/2018;

- Căn cứ vào biên bản số: 08 /BB-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019,

**QUYẾT NGHỊ:**

**ĐIỀU 1.** Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 và phương hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty Cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 và phương hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin với các chỉ tiêu cơ bản như sau:

**1. Kết quả SXKD năm 2018:**

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	N.Q ĐH 2018	THỰC HIỆN 2018	THỰC HIỆN 2017	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %
1	2	3	4	5	6	7=5/4	8=5/6
1	Than sản xuất	1.000 tấn	2.000	2.110	1.852	105,5	113,9
-	Than N. khai	..	1.600	1.668	1.450	104,2	115,0
-	Than Sạch từ ĐDLT	..	400	441	402	110,2	102,2
2	Than tiêu thụ	1.000 tấn	1.982	2.128	1.830	107,3	116,2
3	Đất đá bốc xúc	1.000 m <sup>3</sup>	18.400	20.433	16.682	122,5	122,4
4	Hệ số bóc	M <sup>3</sup> /tấn	11,5	12,25	11,5	106,5	106,5
5	Doanh thu tổng số	Tỷ đồng	2.436	2.942	2.252	120,7	130,6
6	Đầu tư xây dựng	Tỷ đồng	90,966	90,507	136,6	99,50	66,2
7	Tiền lương b/q	1000đ/n/t	7.485	9.867	7.976	131,8	123,7
8	Lợi nhuận (Trước Thuế)	Tỷ đồng	23,356	79,380	29,926	339,8	265,2
9	Chi trả cổ tức	%	3	10	5	333,3	200,0

## 2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019:

T.T	CHỈ TIÊU	Đ.V.T	KẾ HOẠCH 2019
1	Than sản xuất	Tấn	2.270.000
-	Than Nguyên khai	Tấn	1.800.000
-	Than sạch từ đất đá lẫn than	Tấn	470.000
2	Than tiêu thụ	Tấn	2.248.000
3	Đất đá bóc xúc	m <sup>3</sup>	21.600.000
4	Hệ số đất bóc	m <sup>3</sup> /tấn	12
5	Doanh thu tổng số	Tỷ đồng	3.052
6	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	22,4
7	Chi trả Cổ tức	%/VĐL	≥ 4
8	Lao động định mức	Người	2.158
9	Tiền lương bình quân	Đồng/người/tháng	8.555.000
10	Đầu tư xây dựng cơ bản	Tỷ đồng	498

Đại hội ủy quyền cho HĐQT Công ty trong quá trình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2019, nếu điều kiện thuận lợi về sản xuất và tiêu thụ hoặc khó khăn trong SXKD và tiêu thụ thì được quyền quyết định điều chỉnh tăng, giảm các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh nhằm đảm bảo hiệu quả lợi ích của cổ đông và Công ty.

**ĐIỀU 2: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO, trụ sở chính: Tầng 12A, Tòa nhà Tổng công ty 319, số 63 Đường Lê Văn Lương, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018.**

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 do Công ty TNHH Kiểm toán VACO; kiểm toán với một số chỉ tiêu cơ bản như sau:

- Tổng tài sản:	1.337.208 triệu đồng
- Doanh thu thuần:	2.936.177 triệu đồng
- Nợ phải trả:	972.919 triệu đồng
- Vốn chủ sở hữu:	364.288 triệu đồng
- Lợi nhuận sau thuế:	63.300 triệu đồng

### **ĐIỀU 3: Thông qua phương án chi trả cổ tức, trích lập các quỹ năm 2018**

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua phương án chi trả cổ tức, trích lập các quỹ năm 2018 như sau:

<b>1. Lợi nhuận trước thuế năm 2018:</b>	<b>79.381 triệu đồng.</b>
Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp:	16.080 triệu đồng.
<b>2. Lợi nhuận sau thuế:</b>	<b>63.301 triệu đồng.</b>
a. Trả cổ tức: 10%/vốn điều lệ;	29.439 triệu đồng;
b. Lợi nhuận còn lại sau khi trả cổ tức:	33.862 triệu đồng.
+ Trích Quỹ thưởng Ban điều hành:	418 triệu đồng;
+ Còn lại trích quỹ khen thưởng (70%), phúc lợi (30%):	33.444 triệu đồng.

**ĐIỀU 4: Thông qua Báo cáo tiền thù lao của thành viên HĐQT và Ban kiểm soát năm 2018 - Đề xuất tiền thù lao thành viên HĐQT, BKS năm 2019**

1. Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Báo cáo tiền thù lao của thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban kiểm soát (BKS) Công ty năm 2018, như sau:

- Thành viên HĐQT Công ty: 226.080.000 đồng;
- Thành viên Ban kiểm soát của Công ty: 118.260.000 đồng;
- Tổng số tiền thù lao chi trả là: **344.340.000 đồng.**

2. Quyết nghị mức chi trả thù lao năm 2019:

T.T	Chức danh	Mức thù lao tháng (đồng)
1	Chủ tịch HĐQT	5.140.000
2	U.V HĐQT - Giám đốc công ty	4.940.000
3	Thành viên: HĐQT, Ban kiểm soát	4.380.000

**Tổng số tiền thù lao Kế hoạch (dự kiến) là: 331.200.000 đồng**

Nguồn tiền thù lao được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2019. Được thể hiện thành một mục trong Báo cáo tài chính năm của Công ty.

**ĐIỀU 5: Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2018**

Đại hội đồng cổ đông nhất trí Thông qua Báo cáo của HĐQT năm 2018 (Có các Báo cáo kèm theo).

**ĐIỀU 6: Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm năm 2018**

Đại hội đồng cổ đông nhất trí Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018 (Có các Báo cáo kèm theo).

**ĐIỀU 7: Thông qua việc lựa chọn Công ty Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019**

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH PKF Việt Nam, Trụ sở chính: Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin.

**ĐIỀU 8: Thông qua về việc huy động vốn phục vụ KHSXKD năm 2019**

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua về việc huy động vốn phục vụ KHSXKD năm 2019, nhu cầu về vốn như sau:

1. Huy động vốn để thực hiện các dự án đầu tư: 315.480 triệu đồng.
2. Huy động vốn nộp tiền cấp quyền khai thác: 100.911 triệu đồng.
3. Huy động vốn lưu động phục vụ SXKD bình quân tháng: 400.000 triệu đồng.

**ĐIỀU 9: Thông qua về việc điều chỉnh dự án “Cải tạo mở rộng mỏ than Đèo Nai - Công ty cổ phần than Đèo Nai -TKV”.**

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua về việc điều chỉnh dự án “Cải tạo mở rộng mỏ than Đèo Nai - Công ty cổ phần than Đèo Nai -TKV”, với các nội dung chính như sau:

**I. Nội dung điều chỉnh:**

1. Điều chỉnh tên dự án: Đầu tư xây dựng công trình Cải tạo mở rộng mỏ than Đèo Nai - Công ty CP Than Đèo Nai-TKV (điều chỉnh).

2. Mục tiêu điều chỉnh dự án: Đáp ứng nhu cầu cung cấp than cho nền kinh tế, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển ngành Than theo Quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 403/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 và Quyết định số 1265/QĐ-TTg ngày 24/8/2017; làm cơ sở cho việc điều chỉnh các bước tiếp theo của dự án phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành...

3. Điều chỉnh quy mô công suất, tuổi thọ mỏ:

- Công suất thiết kế: 1,75 triệu tấn than/năm;

- Tuổi thọ mỏ: 13 năm (từ năm 2009, kết thúc năm 2022).

4. Điều chỉnh biên giới, trữ lượng khai trường:

- Cốt cao đáy mỏ:

+ Khu via chính: -225 m;

+ Khu Nam Lộ Trí: +50 m.

- Kích thước khai trường khu via chính:

+ Chiều dài: 2.140m;

+ Chiều rộng 1.810m.

5. Điều chỉnh địa điểm xây dựng: Thành phố Cẩm Phả - tỉnh Quảng Ninh.

6. Điều chỉnh nhóm dự án: Nhóm dự án là nhóm B; loại và cấp công trình là công trình công nghiệp cấp III.

7. Điều chỉnh đầu tư các hạng mục công trình:

- Không thực hiện đầu tư các hạng mục công trình:

+ Phần mặt bằng: Phân xưởng trạm mạng; Phân xưởng vận tải 4, 5, 6, 8, 9, 12; Công trường Khoan, Xúc, Gạt; Phân xưởng cơ điện; phân xưởng sửa chữa ô tô; Trung tâm Điều hành sản xuất; Cụm sàng nam moong; Hệ thống băng tải từ khu Lộ trí ra bãi thải Nam Khe Tam; Xưởng sàng; Trạm biến áp 35kV mặt bằng +118 và Trạm biến áp 35kV phục vụ tuyến băng tải đá.

+ Phần xây dựng: Phân xưởng vận tải 4, 9, 12; Công trường xúc; Trung tâm điều hành sản xuất; Phân xưởng cơ điện; Phân xưởng sửa chữa ô tô; Công trường cơ khí cầu đường; Công trường than thủ công; Nhà ăn số 1, 8, 11; Hệ thống sàng tuyển than; Hệ thống cấp nước; Thoát nước khai trường; Cấp điện khai trường; Các công trình bảo vệ môi trường.

+ Phần thiết bị: Tuyến băng tải đá và bun ke nhận đá thải (trọn bộ thiết bị); Thiết bị thoát nước khai trường; Thiết bị xưởng sửa chữa cơ điện và xưởng bảo dưỡng ô tô; Thiết bị trạm biến áp cấp điện cho hệ thống băng tải đá; 01 xe ca chở người 35+40 chỗ, 01 máy gạt bánh xích công suất  $\geq 200$ HP, 04 xe tưới đường dung tích tích chứa nước  $\geq 10$ m<sup>3</sup>, 02 xe ô tô tự đổ khung cứng tải trọng 90+100 tấn, 02 xe tưới đường dung tích tích chứa nước  $\geq 20$ m<sup>3</sup>; 03 xe ô tô tự đổ khung cứng tải trọng

35÷40 tấn; chi phí ủy thác nhập khẩu, tiếp nhận vận chuyển, bảo quản, giám định chất lượng thiết bị.

- Không thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng và quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình (chủ đầu tư tự quản lý).

- Đầu tư bổ sung các thiết bị: 01 máy san gạt bánh lốp công suất  $\geq 240\text{HP}$ ; 05 xe ô tô tự đổ khung cứng tải trọng 55 ÷ 60 tấn (đã thực hiện).

- Điều chỉnh quy mô, vị trí các hạng mục: Công trường Băng tải; Phân xưởng vận tải 5, 6, 8; Kho vật tư; Công trường Khoan; Phân xưởng Trạm mạng; Trạm biến áp công suất 35/6 kV; Di chuyển hồ nhận than mặt bằng +30 cho phù hợp với nhu cầu sản xuất của mỏ.

8. Điều chỉnh tổng mức đầu tư:

STT	Nội dung chi phí	Giá trị (1000 đồng)		
		Trước thuế	Thuế VAT	Sau thuế
<b>A</b>	<b>ĐÃ THỰC HIỆN</b>	<b>787.409.219</b>	<b>72.766.079</b>	<b>860.175.297</b>
1	Chi phí xây dựng	33.270.021	3.327.002	36.597.023
2	Chi phí thiết bị	732.547.937	67.721.833	800.269.771
3	Chi phí tư vấn ĐTXD	16.267.580	1.626.758	17.894.338
4	Chi phí khác	5.323.681	90.485	5.414.166
	- Chi phí khác	4.196.016	90.485	4.286.501
	- Lãi vay	1.127.664		1.127.664
<b>B</b>	<b>THỰC HIỆN TIẾP</b>	<b>10.242.316</b>	<b>900.564</b>	<b>11.142.880</b>
1	Chi phí tư vấn ĐTXD	6.988.149	698.815	7.686.964
2	Chi phí khác	2.792.194	158.865	2.951.059
	- Chi phí khác	2.251.309	158.865	2.410.174
	- Lãi vay	540.885		540.885
3	Chi phí dự phòng	461.973	42.884	504.857
	<b>TỔNG SỐ (A+B)</b>	<b>797.651.535</b>	<b>73.666.642</b>	<b>871.318.177</b>

9. Điều chỉnh nguồn vốn: Vay thương mại, khấu hao tài sản cố định, đầu tư phát triển và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của Công ty CP Than Đèo Nai-Vinacomin;

10. Điều chỉnh thời gian thực hiện dự án: Năm 2009 ÷ 2019.

II. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT Công ty triển khai các nội dung công việc để thực hiện điều chỉnh dự án "Cải tạo mở rộng mỏ than Đèo Nai - Công ty CP than Đèo Nai-TKV" nay là Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin.

**ĐIỀU 10:** Công ty tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện các nội dung trong Đề án tái cơ cấu của Công ty giai đoạn 2017-2020 đã được TKV phê duyệt đảm bảo hiệu quả, ổn định sản xuất kinh doanh Công ty. Trong đó cần tập trung đi sâu vào: Công tác sắp xếp mô hình tổ chức quản lý; Quản trị doanh nghiệp (Tài nguyên, Kỹ thuật - Công nghệ, quản lý kỹ thuật Cơ điện - Vận tải, quản lý đầu tư, quản trị chi phí, quản lý tài chính, quản lý vật tư, công tác quản lý lao động và phát triển nguồn nhân lực).

**ĐIỀU 11: Điều khoản thi hành**

Đại Hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin năm 2019 đã được tiến hành công khai, minh bạch, hợp pháp. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Đại hội ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin có trách nhiệm tiến hành các công việc đã được Đại hội quyết nghị, đảm bảo lợi ích của các Cổ đông, lợi ích Công ty và phù hợp với quy định của Pháp luật.

**Nơi nhận:**

- UBCKNN, Sở GDCKHN (B/c);
- Trung tâm LKCKVN (B/c);
- Tập đoàn TKV (B/c);
- Các cổ đông Công ty;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Thành viên Ban GD, KTT;
- Đăng Website Cty, Lưu VT, HĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**



**CHỦ TỌA**

**Phạm Hồng Tài**



Số: 08 /BB-ĐHĐCĐ-2019

Cám Phá, ngày 16 tháng 4 năm 2019.

## **BIÊN BẢN**

### **Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019**

Công ty cổ phần Than Đèo Nai – Vinacomin, trụ sở chính tại Phường Cẩm Tây, Thành phố Cẩm Phá, Tỉnh Quảng Ninh. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 5700101299 cấp lại lần ba ngày 28/10/2016, đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 tại Phòng họp số 1, Văn phòng Công ty vào hồi 8h30' ngày 16 tháng 4 năm 2019 dưới sự chủ tọa của ông Phạm Hồng Tài, Chủ tịch Hội đồng quản trị (HDQT) Công ty.

Tham dự đại hội có 16 cổ đông, đại diện cho 20.239.412 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 68,75 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty. Chủ tọa Đại hội đã cử ông Nguyễn Quang Tùng làm thư ký Đại hội và đề cử, bầu Ban kiểm phiếu Đại hội.

Đại hội đã được tiến hành theo trình tự sau đây:

#### **I. VÊ CÔNG TÁC TỔ CHỨC:**

##### **1. Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông.**

Ông Nguyễn Danh Tuấn, Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông.

\* **Tại thời điểm 8h35'** Tổng số cổ đông tham dự đại hội 16 cổ đông, đại diện cho 20.239.412 cổ phần, chiếm 68,75 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty. Sau kiểm tra 16 cổ đông đủ tư cách tham dự Đại Hội theo quy định.

Ông Phạm Hồng Tài, Chủ tọa Đại hội tuyên bố Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 hợp lệ và tổ chức điều hành Đại hội theo quy định (Số cổ phần có mặt tham dự Đại hội từ 51% trên tổng số cổ phần của Công ty).

##### **2. Thông qua Chương trình Đại hội, Quy chế làm việc Đại hội,**

a. Ông Nguyễn Danh Tuấn, trình bày: Chương trình Đại hội, Quy chế làm việc của Đại hội, Đại hội đã tiến hành biểu quyết:

b. Đại hội biểu quyết Chương trình Đại hội, Quy chế làm việc của Đại hội, với Tỷ lệ đồng ý: 20.239.412 cổ phần, chiếm 100 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

#### **II. ĐẠI HỘI TIẾN HÀNH THẢO LUẬN VÀ BIỂU QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ SAU:**

**Nội dung 1:** Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.

a. Ông Phạm Duy Thanh - Ủy viên HDQT – Giám đốc Công ty trình bày Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2018, Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 với những chỉ tiêu chủ yếu sau:

**1. Kết quả SXKD năm 2018:**

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	N.Q ĐH 2018	THỰC HIỆN 2018	THỰC HIỆN 2017	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %
1	2	3	4	5	6	7=5/4	8=5/6
1	Than sản xuất	1.000 tấn	2.000	2.110	1.852	105,5	113,9
-	Than N. khai	-	1.600	1.668	1.450	104,2	115,0
-	Than Sạch từ ĐDLT	-	400	441	402	110,2	102,2
2	Than tiêu thụ	1.000 tấn	1.982	2.128	1.830	107,3	116,2
3	Đất đá bóc xúc	1.000 m <sup>3</sup>	18.400	20.433	16.682	122,5	122,4
4	Hệ số bóc	M <sup>3</sup> /tấn	11,5	12,25	11,5	106,5	106,5
5	Doanh thu tổng số	Tỷ đồng	2.436	2.942	2.252	120,7	130,6
6	Đầu tư xây dựng	Tỷ đồng	90,966	90,507	136,6	99,50	66,2
7	Tiền lương b/q	1000đ/n/t	7.485	9.867	7.976	131,8	123,7
8	Lợi nhuận (Trước Thuế)	Tỷ đồng	23,356	79,380	29,926	339,8	265,2
9	Chi trả cổ tức	%	3	10	5	333,3	200,0

**2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019:**

T.T	CHỈ TIÊU	Đ.V.T	KẾ HOẠCH 2019
1	Than sản xuất	Tấn	2.270.000
-	Than Nguyên khai	Tấn	1.800.000
-	Than sạch từ đất đá lẫn than	Tấn	470.000
2	Than tiêu thụ	Tấn	2.248.000
3	Đất đá bóc xúc	m <sup>3</sup>	21.600.000
4	Hệ số đất bóc	m <sup>3</sup> /tấn	12
5	Doanh thu tổng số	Tỷ đồng	3.052
6	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	22,4
7	Chi trả Cổ tức	%/VDL	≥ 4
8	Lao động định mức	Người	2.158
9	Tiền lương bình quân	Đồng/người/tháng	8.555.000
10	Đầu tư xây dựng cơ bản	Tỷ đồng	498

b. Ý kiến phát biểu tại Đại hội: **Không có.**

c. Đại hội đã tiến hành biểu quyết Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 với các chỉ tiêu chính trên

- Tỷ lệ đồng ý: 20.239.412 cổ phần, chiếm 100 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

Đại hội ủy quyền cho HĐQT Công ty trong quá trình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2019, nếu điều kiện thuận lợi về sản xuất và tiêu thụ hoặc khó khăn trong SXKD và tiêu thụ thì được quyền quyết định điều chỉnh tăng, giảm các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh; tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung trong Đề án tái cơ cấu của Công ty

giai đoạn 2017-2020 đã được TKV phê duyệt đảm bảo hiệu quả, ổn định sản xuất kinh doanh Công ty. Trong đó cần tập trung đi sâu vào: Công tác sắp xếp mô hình tổ chức quản lý; Quản trị doanh nghiệp (Tài nguyên, Kỹ thuật - Công nghệ, quản lý kỹ thuật Cơ điện - Vận tải, quản lý đầu tư, quản trị chi phí, quản lý tài chính, quản lý vật tư, công tác quản lý lao động và phát triển nguồn nhân lực).

**Nội dung 2: Thông qua Báo cáo Tài chính năm 2018 đã được kiểm toán.**

a. Bà Vũ Thị Hương – Kế toán trưởng Công ty, trình bày Báo cáo tài chính năm 2018 do Công ty TNHH Kiểm toán VACO kiểm toán

b. Bà Phạm Thị Hải – Trưởng ban Kiểm soát Công ty, trình bày Báo cáo thẩm định Báo cáo tài chính năm 2018 do Công ty TNHH Kiểm toán VACO kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, đúng theo quy định của luật pháp (Có Báo cáo kèm theo).

c. Đại hội đã tiến hành biểu quyết thông qua Báo cáo tài chính năm 2018, bao gồm các chỉ tiêu chủ yếu của kỳ báo cáo như sau:

- Tổng tài sản:	1.337.208 triệu đồng
- Doanh thu thuần:	2.936.177 triệu đồng
- Nợ phải trả:	972.919 triệu đồng
- Vốn chủ sở hữu:	364.288 triệu đồng
- Lợi nhuận sau thuế:	63.300 triệu đồng

- Tỷ lệ đồng ý: 20.239.412 cổ phần, chiếm 100 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

**Nội dung 3: Thông qua Phương án chi trả cổ tức và trích lập các quỹ năm 2018.**

a. Bà Vũ Thị Hương – Kế toán trưởng Công ty, trình bày phương án chi trả cổ tức và trích lập các quỹ năm 2018.

b. Đại hội đã tiến hành biểu quyết thông qua Phương án chi trả cổ tức và trích lập các quỹ năm 2018, như sau:

1. Lợi nhuận trước thuế năm 2018:	79.381 triệu đồng.
Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp:	16.080 triệu đồng.
2. Lợi nhuận sau thuế:	63.301 triệu đồng.
a. Trả cổ tức: 10%/vốn điều lệ;	29.439 triệu đồng;
b. Lợi nhuận còn lại sau khi trả cổ tức:	33.862 triệu đồng.
+ Trích Quỹ thưởng Ban điều hành:	418 triệu đồng;
+ Còn lại trích quỹ khen thưởng (70%), phúc lợi (30%):	33.444 triệu đồng

- Tỷ lệ đồng ý: 20.239.412 cổ phần, chiếm 100 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

**Nội dung 4: Thông qua Báo cáo tiền thù lao của thành viên HĐQT, BKS Công ty năm 2018 và đề xuất mức thù lao năm 2019.**

a. Ông Mai Huy Trung - Ủy viên Thường trực HĐQT Công ty trình bày báo cáo tiền thù lao của thành viên HĐQT, BKS Công ty năm 2018, đề xuất mức thù lao năm 2019 của HĐQT và Ban Kiểm soát Công ty.

b. Đại hội đã tiến hành biểu quyết thông qua tiền thù lao của thành viên HĐQT, BKS Công ty năm 2018, đề xuất mức thù lao năm 2019 của HĐQT và Ban Kiểm soát Công ty, gồm nội dung sau:

1. Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Báo cáo tiền thù lao của thành viên Hội đồng quản trị (HDQT) và Ban kiểm soát (BKS) Công ty năm 2018, như sau:

- Thành viên HDQT Công ty: 226.080.000 đồng;
- Thành viên Ban kiểm soát của Công ty: 118.260.000 đồng;
- Tổng số tiền thù lao chi trả là: 344.340.000 đồng.

2. Quyết nghị mức chi trả thù lao năm 2019:

T.T	Chức danh	Mức thù lao tháng (đồng)
1	Chủ tịch HDQT	5.140.000
2	U.V HDQT - Giám đốc công ty	4.940.000
3	Thành viên: HDQT, Ban kiểm soát	4.380.000

**Tổng số tiền thù lao Kế hoạch (dự kiến) là: 331.200.000 đồng**

Nguồn tiền thù lao được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2019. Được thể hiện thành một mục trong Báo cáo tài chính năm của Công ty.

- Tỷ lệ đồng ý: 20.239.412 cổ phần, chiếm 100 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

**Nội dung 5: Thông qua Báo cáo hoạt động của HDQT Công ty năm 2018.**

a. Ông Mai Huy Trung - Ủy viên Thường trực HDQT Công ty, trình bày Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2018 (*Có Báo cáo Kèm theo*).

- Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc đã hoạt động quản lý Công ty phát triển, minh bạch, đúng theo pháp luật và Điều lệ Công ty, thực hiện đạt các chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội hàng năm đề ra.

- Công ty hoàn thành mọi nghĩa vụ với Nhà nước và đảm bảo quyền lợi Công ty, quyền lợi cho cổ đông.

b. Đại hội đã tiến hành biểu quyết Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2018.

- Tỷ lệ đồng ý: 20.239.412 cổ phần, chiếm 100 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

**Nội dung 6: Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018**

a. Bà Phạm Thị Hải – Trưởng ban Kiểm Công ty, trình bày Báo cáo của BKS về việc giám sát hoạt động quản lý của Hội đồng quản trị và hoạt động của Ban Giám đốc nhiệm năm 2018. (*Có Báo cáo kèm theo*).

b. Đại hội đã tiến hành biểu quyết Thông qua Báo cáo của BKS về việc giám sát hoạt động quản lý của Hội đồng quản trị và hoạt động của Ban Giám đốc năm 2018.

- Tỷ lệ đồng ý: 20.239.412 cổ phần, chiếm 100 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

**Nội dung 7: Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo Tài chính năm 2019.**

a. Bà Phạm Thị Hải – Trưởng ban Kiểm Công ty đề xuất lựa chọn Công ty TNHH PKF Việt Nam, Trụ sở chính: Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin.

b. Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua việc chọn Công ty TNHH PKF Việt Nam thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin.

- Tỷ lệ đồng ý: 20.239.412 cổ phần, chiếm 100 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

**Nội dung 8: Thông qua về việc huy động vốn phục vụ KHSXKD năm 2019.**

a. Bà Vũ Thị Hương – Kế toán trưởng Công ty, trình bày Báo cáo về việc huy động vốn phục vụ KHSXKD năm 2019.

b. Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua việc huy động vốn phục vụ KHSXKD năm 2019, nhu cầu về vốn năm 2019 như sau:

1. Huy động vốn để thực hiện các dự án đầu tư: 315.480 triệu đồng.

2. Huy động vốn nộp tiền cấp quyền khai thác: 100.911 triệu đồng.

3. Huy động vốn lưu động phục vụ SXKD bình quân tháng: 400.000 triệu đồng.

- Tỷ lệ đồng ý: 20.239.412 cổ phần, chiếm 100 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

**Nội dung 9: Thông qua về việc điều chỉnh dự án “Cải tạo mở rộng mỏ than Đèo Nai - Công ty cổ phần than Đèo Nai -TKV”.**

a. Ông Phạm Duy Thanh – Giám đốc Công ty, trình bày Báo cáo điều chỉnh dự án “Cải tạo mở rộng mỏ than Đèo Nai - Công ty cổ phần than Đèo Nai -TKV”

b. Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua việc nội dung điều chỉnh dự án “Cải tạo mở rộng mỏ than Đèo Nai - Công ty cổ phần than Đèo Nai -TKV”, gồm các nội dung chính như sau:

**I. Nội dung điều chỉnh:**

1. Điều chỉnh tên dự án: Đầu tư xây dựng công trình Cải tạo mở rộng mỏ than Đèo Nai - Công ty CP Than Đèo Nai-TKV (điều chỉnh).

2. Mục tiêu điều chỉnh dự án: Đáp ứng nhu cầu cung cấp than cho nền kinh tế, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển ngành Than theo Quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 403/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 và Quyết định số 1265/QĐ-TTg ngày 24/8/2017; làm cơ sở cho việc điều chỉnh các bước tiếp theo của dự án phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành...

3. Điều chỉnh quy mô công suất, tuổi thọ mỏ:

- Công suất thiết kế: 1,75 triệu tấn than/năm;

- Tuổi thọ mỏ: 13 năm (từ năm 2009, kết thúc năm 2022).

4. Điều chỉnh biên giới, trữ lượng khai trường:

- Cốt cao đáy mỏ:

+ Khu vỉa chính: -225 m;

+ Khu Nam Lộ Trí: +50 m.

- Kích thước khai trường khu vỉa chính:

+ Chiều dài: 2.140m;

+ Chiều rộng: 1.810m.

5. Điều chỉnh địa điểm xây dựng: Thành phố Cẩm Phá - tỉnh Quảng Ninh.

6. Điều chỉnh nhóm dự án: Nhóm dự án là nhóm B; loại và cấp công trình là công trình công nghiệp cấp III.

7. Điều chỉnh đầu tư các hạng mục công trình:

- Không thực hiện đầu tư các hạng mục công trình:

+ Phần mặt bằng: Phân xưởng trạm mạng; Phân xưởng vận tải 4, 5, 6, 8, 9, 12; Công trường Khoan, Xúc, Gạt; Phân xưởng cơ điện; phân xưởng sửa chữa ô tô; Trung tâm Điều hành sản xuất; Cụm sàng nam moong; Hệ thống băng tải từ khu Lộ trí ra bãi thải Nam Khe Tam; Xưởng sàng; Trạm biến áp 35kV mặt bằng +118 và Trạm biến áp 35kV phục vụ tuyến băng tải đá.

+ Phần xây dựng: Phân xưởng vận tải 4, 9, 12; Công trường xúc; Trung tâm điều hành sản xuất; Phân xưởng cơ điện; Phân xưởng sửa chữa ô tô; Công trường cơ khí cầu đường; Công trường than thủ công; Nhà ăn số 1, 8, 11; Hệ thống sàng tuyển than; Hệ thống cấp nước; Thoát nước khai trường; Cấp điện khai trường; Các công trình bảo vệ môi trường.

+ Phần thiết bị: Tuyến băng tải đá và bun ke nhận đá thải (trọn bộ thiết bị); Thiết bị thoát nước khai trường; Thiết bị xưởng sửa chữa cơ điện và xưởng bảo dưỡng ô tô; Thiết bị trạm biến áp cấp điện cho hệ thống băng tải đá; 01 xe ca chở người 35+40 chỗ, 01 máy gạt bánh xích công suất  $\geq 200\text{HP}$ , 04 xe tưới đường dung tích tích chứa nước  $\geq 10\text{m}^3$ , 02 xe ô tô tự đổ khung cứng tải trọng 90+100 tấn, 02 xe tưới đường dung tích tích chứa nước  $\geq 20\text{m}^3$ ; 03 xe ô tô tự đổ khung cứng tải trọng 35+40 tấn; chi phí ủy thác nhập khẩu, tiếp nhận vận chuyển, bảo quản, giám định chất lượng thiết bị.

- Không thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng và quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình (chủ đầu tư tự quản lý).

- Đầu tư bổ sung các thiết bị: 01 máy san gạt bánh lốp công suất  $\geq 240\text{HP}$ ; 05 xe ô tô tự đổ khung cứng tải trọng 55 ÷ 60 tấn (đã thực hiện).

- Điều chỉnh quy mô, vị trí các hạng mục: Công trường Băng tải; Phân xưởng vận tải 5, 6, 8; Kho vật tư; Công trường Khoan; Phân xưởng Trạm mạng; Trạm biến áp công suất 35/6 kV; Di chuyển hố nhận than mặt bằng +30 cho phù hợp với nhu cầu sản xuất của mỏ.

8. Điều chỉnh tổng mức đầu tư:

STT	Nội dung chi phí	Giá trị (1000 đồng)		
		Trước thuế	Thuế VAT	Sau thuế
<b>A</b>	<b>ĐÃ THỰC HIỆN</b>	<b>787.409.219</b>	<b>72.766.079</b>	<b>860.175.297</b>
1	Chi phí xây dựng	33.270.021	3.327.002	36.597.023
2	Chi phí thiết bị	732.547.937	67.721.833	800.269.771
3	Chi phí tư vấn ĐTXD	16.267.580	1.626.758	17.894.338
4	Chi phí khác	5.323.681	90.485	5.414.166
	- Chi phí khác	4.196.016	90.485	4.286.501
	- Lãi vay	1.127.664		1.127.664
<b>B</b>	<b>THỰC HIỆN TIẾP</b>	<b>10.242.316</b>	<b>900.564</b>	<b>11.142.880</b>
1	Chi phí tư vấn ĐTXD	6.988.149	698.815	7.686.964
2	Chi phí khác	2.792.194	158.865	2.951.059

	- Chi phí khác	2.251.309	158.865	2.410.174
	- Lãi vay	540.885		540.885
3	Chi phí dự phòng	461.973	42.884	504.857
	<b>TỔNG SỐ (A+B)</b>	<b>797.651.535</b>	<b>73.666.642</b>	<b>871.318.177</b>

9. Điều chỉnh nguồn vốn: Vay thương mại, khấu hao tài sản cố định, đầu tư phát triển và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của Công ty CP Than Đèo Nai-Vinacomin;

10. Điều chỉnh thời gian thực hiện dự án: Năm 2009 + 2019.

II. **Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT** Công ty triển khai các nội dung công việc để thực hiện điều chỉnh dự án “Cải tạo mở rộng mỏ than Đèo Nai - Công ty CP than Đèo Nai-TKV” nay là Công ty cổ phần Than Đèo Nai – Vinacomin.

- Tỷ lệ đồng ý: 20.239.412 cổ phần, chiếm 100 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

**Nội dung 10: Thông qua Biên bản, Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.**

Biên bản, Nghị quyết Đại hội đã được Thư ký đọc toàn văn trước Đại hội và được Đại hội biểu quyết thông qua.

- Tỷ lệ đồng ý: 20.239.412 cổ phần, chiếm 100 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

Đại hội kết thúc vào hồi 11h30' cùng ngày.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI



Nguyễn Quang Tùng

TM ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA



Phạm Hồng Tài

**Nơi nhận:**

- UBCKNN, Sở GDCKHN (B/c);
- Trung tâm LKCKVN (B/c);
- Tập đoàn CN Than – Khoáng sản VN (B/c);
- Các cổ đông Công ty;
- Thành viên HĐQT, BKS; BGD, KTT;
- Đăng Website Cty, Lưu VT, HĐQT.

Số: 1217 /BC-TĐN

Cám Phá, ngày 16 tháng 4 năm 2019.

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2018  
NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN NĂM 2019**

**PHẦN THỨ NHẤT  
THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SXKD NĂM 2018**

**I. TÌNH HÌNH CHUNG**

**Thuận lợi:** Tư tưởng CBCNV ổn định; phát huy dân chủ, truyền thống của doanh nghiệp được tăng cường; năng lực, trình độ cán bộ quản lý, ý thức người lao động được nâng lên là động lực và yếu tố quan trọng thúc đẩy tinh thần tự giác, chủ động và sáng tạo trong lao động. Tình hình tiêu thụ thuận lợi tạo điều kiện tốt hơn cho tài chính, bố trí, tổ chức sản xuất, giảm chi phí tồn kho.

**Khó khăn:** Thời tiết mưa, mù nhiều ngày, thiết bị cũ nhiều, hay hỏng vặt đồng thời điều kiện khai trường ngày càng khó khăn ảnh hưởng đến thực hiện năng suất và tiêu hao nguyên nhiên vật liệu của thiết bị. Một số văn bản hướng dẫn, quy định của các cơ quan quản lý còn có những bất cập, gây khó khăn cho việc điều hành sản xuất kinh doanh.

**II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018**

Đứng trước khó khăn và thử thách trên, dưới sự chỉ đạo, điều hành, quản lý của HĐQT, Ban Giám đốc cùng với sự đồng thuận của các tổ chức đoàn thể tìm nhiều giải pháp tối ưu vượt qua khó khăn, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2018, kết quả như sau:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	N.Q ĐH 2018	THỰC HIỆN 2018	THỰC HIỆN 2017	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %
1	2	3	4	5	6	7=5/4	8=5/6
1	Than sản xuất	1.000 tấn	2.000	2.110	1.852	105,5	113,9
-	Than N. khai	-	1.600	1.668	1.450	104,2	115,0
-	Than Sạch từ ĐDLT	-	400	441	402	110,2	102,2
2	Than tiêu thụ	1.000 tấn	1.982	2.128	1.830	107,3	116,2
3	Đất đá bốc xúc	1.000 m <sup>3</sup>	18.400	20.433	16.682	122,5	122,4
4	Hệ số bóc	M <sup>3</sup> /tấn	11,5	12,25	11,5	106,5	106,5
5	Doanh thu tổng số	Tỷ đồng	2.436	2.942	2.252	120,7	130,6
6	Đầu tư xây dựng	Tỷ đồng	90,966	90,507	136,6	99,50	66,2
7	Tiền lương b/q	1000đ/n/t	7.485	9.867	7.976	131,8	123,7
8	Lợi nhuận (Trước Thuế)	Tỷ đồng	23,356	79,380	29,926	339,8	265,2
9	Chi trả cổ tức	%	3	10	5	333,3	200,0



### III. ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CÁC MẶT QUẢN LÝ

#### 1. Công tác quản lý Kỹ thuật - Điều hành sản xuất tiêu thụ

Chỉ đạo và điều hành các chỉ tiêu công nghệ theo đúng kế hoạch đề ra. Phương hướng khai thác đảm bảo việc huy động tài nguyên đáp ứng sản lượng than khai thác năm 2018 đồng thời chuẩn bị tốt diện năm 2019. Làm việc với các đơn vị lân cận dịch chuyển ranh giới mở rộng khai trường, tăng độ ổn định bờ mỏ. Kiểm soát chất lượng nổ mìn, quản lý kho than, bãi chứa, nền tảng, làm đường, công tác đổ thải cơ bản đạt yêu cầu. Cùng cố các công trình thoát nước, PCMB đảm bảo tin cậy, ổn định.

Điều hành sản xuất đã cơ bản tuân thủ hướng kỹ thuật, quan tâm nhiều đến hiệu quả sản xuất. Công tác sàng tuyển, pha trộn than đảm bảo chất lượng sản phẩm tiêu thụ. Duy trì việc tác nghiệp giữa các đơn vị để tạo sự đồng bộ trong dây chuyền sản xuất. Tranh thủ thời tiết tốt huy động tối đa thiết bị để nâng cao sản lượng và hạn chế bố trí thiết bị trong điều kiện khó khăn để giảm chi phí sản xuất.

2. Công tác quản lý thiết bị: Trong điều kiện thiết bị cũ nhiều, công tác quản lý, sửa chữa, vận hành thiết bị nhìn chung đã có nhiều cố gắng và cơ bản đạt yêu cầu, tuy nhiên do điều kiện thời tiết, điều kiện khai thác khó khăn và một số nguyên nhân khác nên năng suất thiết bị chưa nâng cao như mong muốn.

3. Công tác Kế hoạch - Quản trị chi phí: Xây dựng và triển khai thực hiện thành công nhiều giải pháp khoán, quản trị chi phí, tăng doanh thu như: Làm tốt phẩm cấp, nâng cao chất lượng than, tăng tỷ lệ than cục, kiểm soát được cơ bản giá thành công đoạn các thiết bị chủ yếu, giảm giá các yếu tố đầu vào, nâng cao quy mô bãi nổ, giảm tỷ lệ thuốc nổ chịu nước. Tiếp tục triển khai giao khoán, thuê ngoài làm các dịch vụ để tiết kiệm chi phí và tiết giảm lao động phục vụ; Kết quả doanh thu, lợi nhuận Công ty đều vượt mức kế hoạch.

4. Công tác Kế toán thống kê tài chính: Đã cân đối vốn phù hợp, đơn đốc thu hồi công nợ kịp thời, cân đối tài chính để duy trì sản xuất, đầu tư, thu nhập người lao động ổn định. Bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu, giảm chi phí lãi vay so với kế hoạch, thực hiện chế độ kế toán tài chính đúng quy định. Công tác Tài chính lành mạnh, thực hiện nộp nghĩa vụ nộp thuế, phí đầy đủ.

5. Công tác Tổ chức - Lao động tiền lương: Xây dựng đầy đủ các quy chế tiền lương, bổ sung, khuyến khích, phân phối đảm bảo thu nhập giữa các chức danh lao động đúng theo quy định của Tập đoàn TKV. Quan tâm giải quyết đủ, đúng và kịp thời các chế độ chính sách cho người lao động. Tiền lương bình quân: 9,867 triệu đồng/người/tháng, tăng so với kế hoạch 131,8%, tăng so 2017 là 123,7%. Trong năm tổ chức tốt công tác đào tạo mới, đào tạo lại các ngành nghề để bổ sung cho công việc trước mắt và lâu dài.

6. Công tác Tái cơ cấu – Tin học hóa, tự động hóa: Triển khai đề án tái cơ cấu giai đoạn 2017-2020 đã được TKV phê duyệt. Chú trọng rà soát, bố trí sắp xếp hợp lý bộ máy quản lý và lao động ở từng bộ phận. Mô hình tổ chức công ty còn 14 phòng ban, 12 công trường phân xưởng. Triển khai thoái vốn tại Công ty CP Nhiệt Điện Cẩm Phả chưa thực hiện được. Xây dựng các phần mềm trong công tác quản lý Lương, dầu liệu, vật tư... Tự động hóa trạm bơm nước, một số công đoạn trong hệ thống sàng tuyển, băng tải; cải tiến máy xúc nhỏ làm nhiệm vụ trồng cột điện thay cho thủ công; quản lý vận hành xúc qua camera online trên các máy xúc; quản lý tiêu hao nhiên liệu bằng thiết bị cảm biến nhiên liệu cho các máy xúc và xe tải vận chuyển than đất, duy trì cấp phát nhiên

liệu tự động qua vòng rinh. Các giải pháp công nghệ đã giúp cho công tác quản lý hiệu quả và chặt chẽ hơn.

7. Công tác Đầu tư xây dựng - Bảo vệ Môi trường: Giá trị thực hiện 90,5 tỷ đồng đạt 99,5% kế hoạch điều chỉnh, chủ yếu mua sắm thiết bị phục vụ sản xuất 03 xe 96 tấn, xe gạt ... Giải phóng mặt bằng bãi thải đảm bảo đủ diện phục vụ đổ thải. Hoàn thành các thủ tục để triển khai các dự án trọng điểm: Dự án điều chỉnh "Cải tạo mở rộng mỏ Đèo Nai"; Dự án khai thác cụm mỏ Cọc Sáu - Đèo Nai sau năm 2022; Dự án Đông Lộ Trí và một số dự án khác... Tập trung từng bước khắc phục những ảnh hưởng tác động tiêu cực đến môi trường như: Giảm được lượng bụi, tiếng ồn, cải thiện được điều kiện làm việc cho người lao động.

8. Công tác cung cấp - quản lý vật tư: Việc cung ứng vật tư cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất; duy trì kiểm tra việc quản lý, sử dụng vật tư tại các đơn vị, kiểm soát tốt chất lượng vật tư mua sắm; triển khai các giải pháp để giảm tồn kho vật tư dưới 4%.

9. Công tác An toàn - An ninh: Công tác an toàn an ninh năm 2018 cơ bản được giữ vững, không để xảy ra các vụ nghiêm trọng.

## PHẦN THỨ HAI NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN NĂM 2019

### I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH CHUNG

**Thuận lợi:** Tình hình tiêu thụ than tiếp tục tốt. Tư tưởng, tinh thần CBCNV có nhiều động lực để phấn khởi thi đua lao động sản xuất, Công tác đầu tư, thay đổi công nghệ được quan tâm tăng cường hơn.

**Khó khăn:** Kế hoạch SXKD tăng trong khi diện khai thác thu hẹp, tài nguyên không thuận lợi như năm 2018, trên 50% sản lượng than huy động ở các vỉa mỏng, vỉa kẹp, chất lượng xấu. Thời tiết tiếp tục diễn biến khó lường, dự báo mưa sớm và nhiều hơn. Giá cả đầu vào tăng. Diện đổ thải, công tác xử lý nước thải mỏ còn nhiều yếu tố khách quan vướng mắc, khó giải quyết.

Trước những khó khăn trên, phát huy truyền thống và kinh nghiệm đã đạt được trong những năm qua, Công ty phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2019, với các chỉ tiêu, giải pháp như sau:

### 2. CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH NĂM 2019

- Than sản xuất:	2.270.000 tấn
+ Than nguyên khai theo hệ số bóc:	1.800.000 tấn
+ Than sạch từ đất đá lẫn than:	470.000 tấn
- Than tiêu thụ:	2.248.000 tấn
+ Than Nguyên khai:	1.550.000 tấn
+ Than sạch:	698.000 tấn
- Đất đá bóc xúc:	21.600.000 m <sup>3</sup>
- Mét khoan SX:	456.000 mks
- Doanh thu:	3.052 tỷ đồng
- Lợi nhuận:	22,4 tỷ đồng
- Lương bình quân:	8.555.000 đồng/người/tháng
- Kế hoạch ĐTXDCB:	498 tỷ đồng
- Chi trả cổ tức: $\geq 4\%$ /Vốn điều lệ.	

### III. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Kỹ thuật - Công nghệ: Tập trung chỉ đạo hạ moong Via chính đúng tiến độ, mục tiêu thi đua đề ra. Tăng cường, bổ xung các cơ chế và triển khai quyết liệt các giải pháp khai thác, chế biến than đảm bảo kế hoạch phẩm cấp, thu hồi triệt để, tận dụng lợi thế về than cục để đảm bảo sản xuất than đạt kế hoạch, tăng hiệu quả SXKD. Kiểm soát chặt chẽ chỉ tiêu công nghệ theo kế hoạch. Xây dựng tiến độ cụ thể để chuẩn bị tốt diện khai thác, quy hoạch kho bãi chứa than hợp lý.

2. Điều hành sản xuất: Giữ vững kỷ cương điều hành, thực hiện nghiêm túc trình tự, phương hướng kỹ thuật. Duy trì việc tác nghiệp giữa các đơn vị, bố trí thiết bị hợp lý, đồng bộ, đặc biệt quan tâm đến điều kiện sản xuất để bố trí cho phù hợp phát huy năng suất của cả hệ thống trong cũng như thuê ngoài. Điều hành sản xuất than phù hợp với tiêu thụ. Tổ chức chuyển hướng bơm, bơm nước sớm phần đầu hết tháng 10 cạn nước và tiếp cận nhanh đáy moong tạo diện sản xuất quý IV năm 2019.

#### 3. Giải pháp về cơ điện, vận tải, vật tư

Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện mô hình tổ chức, quản lý sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị, đảm bảo tinh gọn hiệu quả, giải phóng nhanh thiết bị để phục vụ sản xuất. Rà soát đánh giá lại toàn bộ máy móc thiết bị, xây dựng kế hoạch huy động thiết bị chi tiết trên tinh thần tập trung, hiệu quả, tránh dàn trải. Từ đó triển khai sửa chữa lớn, kiểm soát tốt chi phí đối với thiết bị chuẩn bị niêm cất.

Tiếp tục nghiên cứu và áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ mới để cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao năng suất lao động. Tăng cường điều hành - quản lý qua hệ thống Camera online, hộp đen, thiết bị báo tải, GPS, cảm biến nhiên liệu... để phục vụ cho công tác quản lý chặt chẽ và hiệu quả.

Củng cố, hoàn thiện phương án cung cấp, quản lý vật tư đảm bảo thời gian, đúng quy chế. Tiếp tục tìm kiếm vật tư phụ tùng thay thế cho thiết bị đảm bảo chất lượng, giá cả hợp lý.

#### 4. Giải pháp về các mặt quản lý khác

- *Quản lý về Kế hoạch - Chi phí:* Nâng cao nhận thức đến toàn thể CBCNV trong Công ty về nhận thức đúng đắn và đầy đủ việc “tăng năng suất, tiết giảm chi phí để hạ giá thành sản phẩm” là điều kiện quyết định đến thu nhập tiền lương và các chế độ của người lao động, ảnh hưởng đến sự phát triển của Công ty sau này. Trên cơ sở giao kế hoạch SXKD, chi phí năm 2019 của TKV cần phải tính toán, xây dựng và giao lại cho các đơn vị để tự chủ trong sản xuất; hạn chế phát sinh, bám sát vào điều kiện sản xuất từng kỳ để giao kế hoạch sát thực so với thực tế ở từng đơn vị.

- *Quản lý về Tài chính kế toán:* Sử dụng hiệu quả các nguồn vốn, huy động và sử dụng vốn vay cho các dự án đầu tư theo kế hoạch, bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu. Thực hiện quản lý thu nợ, giảm dư nợ vay ngắn hạn. Thực hiện nghiêm quy định quản lý nợ theo quy chế. Tổ chức hạch toán kế toán đảm bảo đúng chế độ quy định của Nhà nước. Công bố thông tin minh bạch, kịp thời theo Luật, giải quyết các vấn đề liên quan đến cổ phần, cổ phiếu cho các cổ đông.

- *Quản lý về Đầu tư - Môi trường:* Triển khai đúng tiến độ các dự án duy trì phục vụ kịp thời cho sản xuất. Tiếp tục hoàn thiện các hồ sơ đầu tư các dự án trọng điểm: Dự án “cải tạo mở rộng mỏ Đèo Nai” điều chỉnh; Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác cụm mỏ Cọc Sáu - Đèo Nai; Dự án Đông Lộ Trí ... Tiếp tục bám sát, xử lý linh

hoạt đền bù, giải phóng mặt bằng khu vực Đông Khe Sim, Nam Khe Tam để có diện đồ thái lâu dài. Thực hiện tốt KH chi phí môi trường năm 2019. Tăng cường kiểm tra, hướng dẫn các đơn vị thực hiện nghiêm túc trong việc quản lý bảo vệ môi trường nhất là quản lý chất thải nguy hại.

- *Quản lý về Tổ chức - Lao động*: Rà soát, cân đối lao động hợp lý từng khâu, từng bộ phận, đảm bảo đủ lao động trong dây truyền nhất là lao động kỹ thuật. Xây dựng và ban hành các quy chế tiền lương, tiền thưởng hợp lý đặc biệt chú trọng đến các đối tượng trực tiếp làm ra sản phẩm, phần đầu thu nhập cao hơn năm 2018. Tăng cường kiểm soát việc ăn chia phân phối tiền lương, tiền thưởng. Đào tạo và nâng cao trình độ, ý thức, tác phong công nghiệp cho đội ngũ công nhân kỹ thuật; xây dựng kế hoạch đào tạo với mục tiêu “mỗi người giỏi một nghề nhưng phải biết nhiều nghề” để đáp ứng yêu cầu sản xuất.

- *Về Công tác tái cơ cấu*: Tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung trong Đề án tái cơ cấu giai đoạn 2017-2020 đã được TKV phê duyệt. Trong năm cần tập trung đi sâu vào công tác quản trị kỹ thuật – công nghệ, kinh tế, lao động. Tiếp tục triển khai thoái vốn tại Công ty cổ phần Nhiệt Điện Cẩm Phả khi có điều kiện thuận lợi về giá trên thị trường chứng khoán.

5. Giải pháp về công tác An toàn – An ninh: Triển khai thực hiện các giải pháp, chương trình đề ra trong năm, tổ chức tốt Tháng hành động về AT-VSLĐ lần thứ III năm 2019. Tăng cường công tác kiểm tra chuyên đề, kiểm tra đột xuất... Phần đầu năm 2019 giảm xuống mức thấp nhất về các vụ sự cố, tai nạn lao động, không có sự cố và TNLĐ nặng và nghiêm trọng. Tiếp tục chỉ đạo thực hiện nghiêm túc Chỉ thị, nghị quyết, qui định của cấp trên về công tác quản lý, bảo vệ, khai thác, vận chuyển, chế biến và tiêu thụ than trên địa bàn. Cùng cố công tác tự quản, nâng cao trách nhiệm lực lượng bảo vệ, làm tốt công tác bảo vệ ranh giới mỏ, bảo vệ tốt tài sản. Ngăn chặn ngay từ đầu không để điểm nóng về mất an ninh trật tự.

**Nơi nhận:**

- Các cơ đồng;
- Website Công ty;
- Lưu VT, VP.

**GIÁM ĐỐC**  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
THAN ĐÈO NAI  
VINACOMIN  
-Phạm Duy Thanh

Số: 1222 /BC-TĐN

Cầm Phá, ngày 16 tháng 4 năm 2019

## BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2018

**Kính gửi: Các Cổ đông Công ty**

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2018; Hội đồng quản trị Công ty xin báo cáo trước Đại hội kết quả hoạt động của HĐQT trong năm 2018 như sau:

### I. CƠ CẤU TỔ CHỨC

**1. Cơ cấu tổ chức.** Hội đồng quản trị công ty gồm 05 ủy viên :

- Ông Phạm Hồng Tài, Chủ tịch HĐQT;
- Ông Phạm Duy Thanh, Ủy viên HĐQT- kiêm Giám đốc điều hành;
- Ông Mai Huy Trung, Ủy viên thường trực HĐQT;
- Ông Đặng Thanh Bình, Ủy viên HĐQT, Phó Giám đốc công ty;
- Ông Đặng Quang Minh, Ủy viên HĐQT, Phó Giám đốc công ty.

### 2. Thực hiện nhiệm vụ của các thành viên HĐQT

HĐQT Công ty có 5 thành viên. Trong đó, có 3 thành viên kiêm nhiệm chức vụ giám đốc, phó giám đốc công ty. Các Thành viên HĐQT đều được phân công phụ trách, theo dõi từng lĩnh vực quản lý, sản xuất kinh doanh của Công ty cụ thể phù hợp với năng lực, trình độ, vị trí công tác và kinh nghiệm của mình. Các thành viên đã hoạt động đúng chức trách, hoàn thành nhiệm vụ được phân công trong năm một cách cẩn trọng, đồng thuận, minh bạch.

### I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2018

Tình hình chung: năm 2018, tình hình kinh tế vĩ mô diễn biến tích cực, hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các ngành các lĩnh vực đều tăng trưởng khá, Tổng sản phẩm trong nước tăng 7,08% so với năm 2017. Tuy nhiên nền kinh tế còn nhiều khó khăn, thách thức: Kinh tế vĩ mô vẫn chưa thật bền vững; vẫn còn tiềm ẩn nguy cơ khó lường của chủ nghĩa bảo hộ sản xuất, bảo hộ mậu dịch có chiều hướng gia tăng; một số ngành sản xuất bị ảnh hưởng do thời tiết thị trường như ngành nông nghiệp, chăn nuôi... ảnh hưởng nhất định đến các ngành sản xuất công nghiệp; Chính phủ ban hành các Nghị quyết và các giải pháp điều hành nhằm tháo gỡ khó khăn cho nền kinh tế, chỉ đạo quyết liệt tái cơ cấu nền kinh tế, cải thiện môi trường kinh doanh...

Đối với ngành than ngay từ đầu năm, tận dụng các điều kiện thuận lợi về thị trường, thời tiết tốt cho tiêu thụ; Tuy nhiên yêu cầu về quản lý môi trường ngày càng nghiêm ngặt đòi hỏi tăng cường quản lý và tăng chi phí xử lý; Về thời tiết, tuy không có mưa lớn, song mưa rải rác dài ngày ảnh hưởng đến khai thác lộ thiên và bơm thoát nước moong phục vụ cho sản xuất...

Năm 2018, Công ty sản xuất kinh doanh trong điều kiện khó khăn chung của Tập đoàn TKV; điều kiện sản xuất ngày một khó khăn hơn, khai thác xuống sâu, chất lượng nguồn than giảm, chiều cao nâng tải lớn, cung độ vận chuyển xa

hơn, diện đồ thái luôn trong tình trạng thiếu do phải giải phóng mặt bằng liên quan đến các đơn vị ngoài; diện khai thác hẹp do mở rộng ngang khu vực trụ Bắc do giới hạn và tiến độ; thời tiết diễn biến bất thường ảnh hưởng làm chậm tiến độ lấy than dưới moong; Tập đoàn yêu cầu tăng sản lượng tiêu thụ, vì vậy Công ty điều chỉnh kế hoạch SXKD cho phù hợp, ảnh hưởng nhất định đến kế hoạch khai thác những năm tiếp theo.

Công ty cũng có những thuận lợi: bộ máy quản lý điều hành có sự đoàn kết thống nhất cao, chủ động trong dự báo, ứng phó chuẩn bị chu đáo các phương án và có nhiều kinh nghiệm trong lãnh đạo quản lý điều hành, đề ra các giải pháp phù hợp với các tình huống; đồng thời tranh thủ sự hỗ trợ từ Tập đoàn và các đơn vị trong việc phối hợp tiêu thụ sản phẩm...

Trước những khó khăn cũng như thuận lợi trong quá trình sản xuất kinh doanh, Hội đồng quản trị Công ty đã đạo kịp thời, cùng với sự chủ động sáng tạo của bộ máy điều hành, và những cố gắng khắc phục khó khăn của tập thể CBCN, Công ty đã thực hiện tốt nhiệm vụ với kết quả như báo cáo của Giám đốc điều hành đã trình bày.

#### 1. Về sử dụng vốn và hoạt động tài chính:

Do đặc thù của công ty là khai thác mỏ lộ thiên, phụ thuộc vào thời tiết, vì vậy 6 tháng đầu năm tăng cường khai thác dưới moong để lấy than dự trữ cho mùa mưa, vì vậy ảnh hưởng nhất định đến sử dụng nguồn vốn.

Tình hình quản lý và sử dụng vốn: sản xuất trong điều kiện phụ thuộc theo mùa, theo nhu cầu thị trường, Công ty đã chủ động rà soát điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch, cơ cấu tiêu thụ phù hợp với thị trường, chủ động điều hành tồn kho hợp lý; vì vậy việc huy động và sử dụng vốn tiết kiệm hợp lý đảm bảo cho hoạt động SXKD đạt kết quả tốt, giảm được trên 2 tỷ lãi vay vốn lưu động so với kế hoạch; Công tác quản lý tài chính theo đúng quy định, chấp hành nghiêm chỉnh sách thuế với nhà nước, các chế độ chính sách xã hội và các chế độ khác với người lao động đúng quy định của pháp luật. Dư vay ngắn hạn, vay dài hạn, chi phí dờ dang, quản lý hàng tồn kho, khả năng thanh toán đều dưới hạn mức; tỷ suất sinh lời ở mức hợp lý trong từng kỳ; Không có nợ khó đòi, nợ quá hạn, dự trữ vật tư ở mức thấp dưới 4%, lợi nhuận trước thuế đạt 79.380 triệu đồng so với Nghị quyết Đại hội đạt 339,8%. Vốn chủ sở hữu tích lũy từ 324.739 triệu đồng đầu kỳ/364.288 triệu đồng tại thời điểm cuối kỳ tăng so với đầu năm là 112,18% Công ty đã bảo toàn và phát triển vốn, đạt kết quả như kỳ vọng; Các chỉ tiêu tài chính như tỷ suất sinh lời/Tổng tài sản (ROA) là 5,28%, tỷ suất sinh lời trên vốn Chủ sở hữu (ROE) là 21,03% các chỉ tiêu tài chính khác và các quy định quản lý tài chính thực hiện tốt, tuân thủ chấp hành các quy định của pháp luật. Hệ số khả năng thanh toán nợ hiện thời tại thời điểm kết thúc năm đã được cải thiện (0,79).

Tuy nhiên đối với khoản đầu tư dài hạn vào Công ty cổ phần nhiệt điện Cẩm Phả không sinh lời, Công ty đã có chủ trương thoái vốn xong chưa thực hiện được do giá cổ phiếu giao dịch trên thị trường quá thấp.

2. Các mặt hoạt động khác từ xây dựng kế hoạch đến chỉ đạo điều hành, tổ chức sản xuất, quản trị chi phí đều được kiểm soát chặt chẽ từng tháng, quý; Công tác tái cơ cấu tổ chức và lao động được thực hiện một cách hợp lý từ việc xã hội hóa khâu phục vụ phụ trợ, đến sáp nhập các phòng ban cho phù hợp quá trình chỉ

đạo điều hành; đến thực hiện các chính sách đối với người lao động và các công tác khác đều có sự phối kết hợp, đồng thuận giữa HĐQT - BKS - Bộ máy điều hành để thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

## **II. VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2018**

Hội đồng quản trị công ty với trách nhiệm quản lý mọi mặt hoạt động SXKD của Công ty, HĐQT đã chủ động sâu sát nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty kịp thời đưa ra chủ trương biện pháp quản lý điều hành Công ty đúng định hướng:

1. Hội đồng quản trị Công ty hoạt động tuân thủ pháp luật, Điều lệ và các quy chế của Công ty, triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông kịp thời; Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên, triển khai chỉ đạo thực hiện tốt các Nghị quyết đề ra;

Tổ chức họp 29 phiên và ban hành 38 Nghị quyết chỉ đạo và thông qua với các nội dung chủ yếu sau:

- Ban hành, sửa đổi bổ sung hoàn thiện các Quy chế quản lý của Công ty làm cơ sở cho việc quản lý điều hành của Công ty và kiểm tra giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty.

- Chỉ đạo triển khai xây dựng các kế hoạch, phương án sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính của Công ty cho phù hợp và kịp thời sát với tình hình.

- Chỉ đạo công bố thông tin kịp thời, công khai minh bạch trong quản lý điều hành, thường xuyên giữ mối liên hệ và quan hệ với cổ đông theo đúng quy định của pháp luật.

- Thông qua đề Giám đốc công ty bổ nhiệm các cán bộ quản lý các phòng ban, đơn vị; hoàn thiện tổ chức bộ máy trong Công ty theo thẩm quyền.

2. Căn cứ vào Quy chế hoạt động và Phân công nhiệm vụ, Hội đồng quản trị công ty thường xuyên kiểm điểm đánh giá hoạt động theo chức trách phân công; trong năm Các thành viên Hội đồng quản trị theo lĩnh vực được phân công đã hoàn thành chức trách nhiệm vụ được giao, phát huy khả năng, năng lực của mình, thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo tối đa lợi ích hợp pháp của Công ty. Các chủ trương lớn, các quyết định của HĐQT ban hành đều có sự thống nhất cao, tuân thủ nguyên tắc quy định là làm việc theo chế độ tập thể, các thành viên tham gia các cuộc họp đầy đủ, đã chỉ đạo thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông quyết nghị.

3. Về thù lao của HĐQT thực hiện theo đúng Nghị quyết Đại hội cổ đông thông qua, được trình bày trong báo cáo riêng.

## **III. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ.**

Việc giám sát cán bộ quản lý, bộ máy điều hành thông qua chức trách nhiệm vụ theo phân công, theo kết quả công việc được giao; yêu cầu báo cáo thường kỳ, đột xuất theo yêu cầu và phản ánh kịp thời các biến động trong quá trình sản xuất kinh doanh để HĐQT có giải pháp kịp thời. Thường xuyên kiểm tra tình hình sản xuất kinh doanh và chấn chỉnh kịp thời những thiếu sót. Đối chiếu với quy định của Điều lệ cũng như các quy chế, quyết định, Nghị quyết của HĐQT ban hành

các cán bộ quản lý đều chấp hành nghiêm túc, hoàn thành nhiệm vụ theo chức trách được giao.

**1. Kết quả giám sát đối với Giám đốc:**

Trong thực hiện nhiệm vụ uỷ viên HĐQT kiêm Giám đốc, song Giám đốc đã thực hiện đúng vai trò vị trí, được thực hiện và cụ thể hoá bằng các quyết định quản lý điều hành, Giám đốc công ty chủ động triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT kịp thời, đề ra biện pháp quản lý và hiệu quả trong điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Chấp hành đúng quy định của Pháp luật, chế độ báo cáo; chỉ đạo điều hành đảm bảo an toàn vốn tài sản - an toàn lao động...theo đúng quy chế quản lý nội bộ, Nghị quyết của HĐQT, vì vậy Công ty đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu kinh doanh mà HĐQT đã quyết định.

**2. Kết quả giám sát đối với các cán bộ quản lý:**

Các cán bộ quản lý khác của công ty đã được Giám đốc công ty phân công giao nhiệm vụ, các cán bộ quản lý đã chấp hành nghiêm và chủ động linh hoạt trong thực hiện nhiệm vụ, chỉ đạo điều hành các phòng, ban công trường phân xưởng thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty, tham mưu đề xuất triển khai nhiệm vụ do Giám đốc phân công đạt hiệu quả. Trong năm qua các cán bộ quản lý được HĐQT Công ty đánh giá là hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

**IV. PHƯƠNG HƯỚNG NĂM 2019**

Năm 2019 được dự báo là năm còn nhiều khó khăn, như trong báo cáo phương hướng và các giải pháp, biện pháp thực hiện Kế hoạch SXKD năm 2019 do Giám đốc trình bày ngoài các giải pháp, biện pháp chỉ đạo điều hành Hội đồng quản trị chỉ đạo một số nội dung trọng tâm sau:

Năm 2019, được dự báo thị trường tiêu thụ than tăng cao, nhất là than cho các hộ điện. Cùng với đó Công ty chủ động tăng sản lượng khi có nhu cầu; Hội đồng quản trị Công ty sẽ tập trung chỉ đạo bộ máy điều hành SXKD cân đối nguồn lực để đáp ứng khi tăng sản lượng đảm bảo hiệu quả; Chủ động phối hợp hoạt động giữa HĐQT-BKS và bộ máy điều hành trong quản trị công ty, nhất là kiểm soát tốt các yếu tố chi phí. Đồng thời tăng cường công tác quản trị nội bộ, rà soát xem xét điều chỉnh công tác quản lý của Công ty cho phù hợp thực tiễn; Tích cực bám sát nội dung tái cơ cấu Công ty đã được Tập đoàn phê duyệt tại Quyết định số 505/QĐ-TKV, Phương hướng cụ thể sau:

1. Tiến trình sáp nhập, liên thông giữa 2 mỏ Đèo Nai - Cọc Sáu sẽ được thực hiện theo lộ trình là năm 2020. Chính vì vậy Công ty phải chủ động các bước xây dựng Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án: "Đầu tư xây dựng công trình khai thác cụm mỏ Cọc Sáu- Đèo Nai", trình các cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt, để làm cơ sở thông qua các bước chuẩn bị triển khai đầu tư.

2. Tiếp tục thực hiện đề án tái cơ cấu quản trị nội bộ năm 2019, sau khi đã được TKV thông qua: tập trung tái cấu trúc quản trị doanh nghiệp, vào các nội dung sau:

+ Sắp xếp bộ máy tổ chức, điều chỉnh chức năng nhiệm vụ; tinh giảm lao động quản lý, phục vụ, phụ trợ theo đề án được TKV phê duyệt cho phù hợp đảm bảo năng suất, hiệu quả.



+ Rà soát, sửa đổi bổ sung và hoàn thiện hệ thống quy chế quản lý nội bộ, định mức kinh tế kỹ thuật cho phù hợp với tình hình quản trị của công ty;

- Tăng cường công tác kiểm soát nội bộ, tiết giảm chi phí trong các khâu các công đoạn sản xuất.

- Tích cực, chủ động kịp thời theo tiến độ đầu tư theo đúng kế hoạch đã được Đại hội cổ đông thông qua nhằm nâng cao năng lực thiết bị, phục vụ cho đổi mới công nghệ, thiết bị có công suất lớn để nâng cao năng suất lao động phù hợp với công nghệ khai thác, đầu tư thăm dò trữ lượng tài nguyên để phục vụ sản xuất phát triển ổn định lâu dài.

- Quan tâm chăm lo phát triển nguồn nhân lực theo hướng phù hợp với công nghệ và quản lý tiên tiến. Có các giải pháp tái tuyển lao động cho những ngành nghề công ty cần, kịp thời, hiệu quả khi sử dụng.

- Chủ động đề xuất, thực hiện đúng kế hoạch phương án trình tự khai thác hợp lý 3 mỏ lộ thiên đem lại hiệu quả sản xuất.

\* **Tóm lại:** Hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần than Đèo Nai đã tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty khi thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình; Các nghị quyết, quyết định của HĐQT được ban hành đúng thẩm quyền, kịp thời đã giúp cho việc quản lý, chỉ đạo điều hành SXKD Công ty năm 2018 đạt kết quả tốt trong bối cảnh sản xuất kinh doanh còn nhiều khó khăn.

Trên đây là kết quả chính trong hoạt động quản trị điều hành của Hội đồng quản trị Công ty trong năm 2018 và chỉ đạo thực hiện năm 2019.

Hội đồng quản trị Công ty xin trân trọng báo cáo trước Đại hội và xin ý kiến của các quý cổ đông.

Hội đồng quản trị Công ty xin trân trọng báo cáo trước Đại hội và xin ý kiến của các quý cổ đông.

**Nơi nhận:**

- Các cổ đông Cty;
- HĐQT: BKS, BGD;
- Lưu: VP; HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**Chủ tịch**  
  
**Phạm Hồng Tài**

## BÁO CÁO

**Hoạt động của Ban kiểm soát và giám sát hoạt động quản lý của HĐQT,  
Ban Giám đốc điều hành năm 2018**

**Kính gửi: Quý vị cổ đông Công ty**

Thực hiện nhiệm vụ báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điều 136 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Điều 10 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6/6/2017 Nghị định hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng. Ban kiểm soát báo cáo:

### **I. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty; Kết quả hoạt động của HĐQT, Giám đốc**

#### **1. Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc**

HĐQT Công ty thực hiện nhiệm vụ trên cơ sở tuân thủ pháp luật, Điều lệ hoạt động của Công ty; triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội ĐCD kịp thời, thực hiện đúng thẩm quyền trong việc ra quyết định của HĐQT, Giám đốc Công ty.

HĐQT Công ty thường xuyên thực hiện các quy định về việc giám sát, kiểm tra, thanh tra, đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

HĐQT chỉ đạo công bố thông tin kịp thời, công khai minh bạch trong quản lý điều hành, thường xuyên giữ mối liên hệ và quan hệ với cổ đông theo quy định của pháp luật.

Thông qua Giám đốc Công ty bổ nhiệm các cán bộ quản lý các phòng ban, đơn vị hoàn thiện tổ chức bộ máy trong Công ty theo thẩm quyền.

Thù lao của HĐQT thực hiện theo đúng Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm thông qua.

Năm 2018 HĐQT Công ty đã họp 29 phiên ban hành 38 Nghị quyết.

Giám đốc Công ty đã triển khai thực hiện kịp thời nhiệm vụ theo Điều lệ Công ty và cụ thể hoá các quy chế quản lý, các nghị quyết của HĐQT thành các quy định quyết định, khắc phục khó khăn đề ra biện pháp quản lý phù hợp trong điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

Chấp hành đúng các quy định của Pháp luật, chấp hành nghiêm túc các chế độ báo cáo, chỉ đạo điều hành đảm bảo an toàn vốn tài sản - an toàn lao động.

#### **2. Kết quả đánh giá sự phối hợp giữa Ban Kiểm soát với HĐQT, Giám đốc và các Cổ đông**

Việc phối hợp giữa BKS với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và cán bộ quản lý được thực hiện thường xuyên. Các phòng ban, đơn vị trong Công ty phối hợp, cung cấp tài liệu theo yêu cầu góp phần giúp hoạt động của Ban kiểm soát đạt kết quả.

Năm 2018 Ban kiểm soát không nhận được yêu cầu nào của các cổ đông đang nắm giữ cổ phần của Công ty về hoạt động SXKD, HDQT và Ban Giám đốc điều hành.

### 3. Kết quả kinh doanh, tình hình hoạt động và tài chính Công ty

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	NQ DH 2018	Thực hiện 2018	Thực hiện 2017	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %
1	2	3	4	5	6	7=5/4	8=5/6
1	Than sản xuất	1000t	2.000	2.110	1.852	105,5	113,9
-	Than nguyên khai	1000t	1.600	1.668	1.450	104,2	115,0
-	Than sạch từ ĐDLT	..	400	441	402	110,2	102,2
2	Than tiêu thụ	..	1.982	2.128	1.830	107,3	116,2
3	Đất đá bóc xúc	1000m <sup>3</sup>	18.400	20.433	16.682	122,5	122,4
4	Hệ số bóc	M <sup>3</sup> /tấn	11,5	12,25	11,5	106,5	106,5
5	Doanh thu tổng số	Tỷ.đ	2.436	2.942	2.252	120,7	130,6
6	Đầu tư XDCB	Tỷ.đ	90,966	90,507	136,6	99,5	66,2
7	Tiền lương b/q	1000đ/ngt	7.485	9.867	7.976	131,8	123,7
8	Lợi nhuận (trước thuế)	Tỷ.đ	23,356	79,380	29,926	339,8	265,2
9	Chi trả cổ tức	%	3	10	5	333,3	200,0

Đánh giá chung: Bên cạnh những thuận lợi và những khó khăn của Công ty; với sự nỗ lực cố gắng, chung sức vượt khó của tập thể CBCNV, sự chỉ đạo, giúp đỡ của Tập đoàn, địa phương, đối tác, Công ty đã thực hiện hoàn thành vượt mức nhiệm vụ phối hợp kinh doanh năm 2018. Công tác An toàn, An ninh, An sinh được giữ vững, đóng góp tích cực vào sự ổn định phát triển của Công ty, của Tập đoàn, bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước, ổn định công ăn việc làm, thu nhập cho trên 2.000 CBCNV người lao động, tiếp tục giữ vững và tạo tiền đề tốt cho sản xuất của Công ty trong các năm tiếp theo.

Ban kiểm soát thống nhất với sự đánh giá, phân tích các giải pháp chỉ đạo của Ban Giám đốc điều hành và chi tiết các số liệu tại báo cáo kết quả SXKD năm 2018 của Công ty.

## II. Báo cáo tự đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, cũng như của từng thành viên Ban kiểm soát Công ty

### 1. Đánh giá hoạt động của BKS

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, BKS Công ty có sự thay đổi về nhân sự: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Trưởng BKS không tham gia Ban kiểm soát để nhận nhiệm vụ mới, Bà Phạm Thị Hải tham gia BKS giữ chức vụ Trưởng ban.

BKS thực hiện nghiêm túc trách nhiệm và quyền hạn được cổ đông góp vốn ủy quyền. Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ Ban kiểm soát theo quy định tại Luật doanh nghiệp; Điều lệ Công ty; Quy chế hoạt động của BKS Công ty.

Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện chiến lược, kế hoạch, mục tiêu về sản xuất kinh doanh của Công ty.

Phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, tham gia đóng góp ý kiến trong quá trình soạn thảo và ban hành các quy trình, quy chế quản lý của

Công ty nhằm phát hiện những rủi ro, thiếu sót và đề xuất kiến nghị, giải pháp phù hợp.

BKS tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch trọng tâm một số nội dung năm 2018: về một số hồ sơ mua sắm sử dụng vật tư; thuê ngoài vận chuyển đất đá, vận chuyển công nghệ năm 2018; công tác về việc thực hiện quy định sửa chữa thường xuyên; sửa chữa TĐT TSCĐ; thực hiện quy định thống kê trong giao nhận than và hồ sơ chứng từ kế toán khác.

## **2. Tổng kết các cuộc họp trong năm 2018**

Năm 2018 Ban kiểm soát tổ chức 05 cuộc họp, số lượng thành viên tham gia đầy đủ (3/3), các cuộc họp đều có biên bản với các nội dung:

- Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của các thành viên, đánh giá công tác tổ chức kinh doanh xem xét tình hình tài chính của Công ty.

- Thống nhất nội dung biên bản kiểm tra định kỳ quý, năm. Đánh giá thực hiện công tác trọng tâm trong kỳ.

Kết quả làm việc của Ban: Sau mỗi kỳ làm việc Ban đã trao đổi trực tiếp với Ban lãnh đạo Công ty, các trưởng/phó phòng và cá nhân thực hiện nhiệm vụ về một số nội dung kiểm tra; các nguy cơ tiềm ẩn rủi ro đều được BKS trao đổi trực tiếp và/hoặc ghi nhận trong biên bản làm việc và thông báo để đơn vị xử lý và phòng ngừa.

## **3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của BKS**

Ban kiểm soát có 3 kiểm soát viên; từ tháng 01 đến tháng 4/2018 Trưởng ban kiêm nhiệm; Trưởng ban chuyên trách từ tháng 4/2018; 02 thành viên hoạt động kiêm nhiệm tiền lương và thù lao Ban kiểm soát năm 2018 như sau:

Tiền lương: 310,67 triệu đồng; tiền thù lao: 118,26 triệu đồng

## **III. Kết luận**

Công ty đã Thực hiện các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT, HĐQT, Giám đốc Công ty.

Công ty thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của Công ty đại chúng. Quản lý, điều hành đơn vị theo Điều lệ, các quy chế nội bộ của đơn vị.

Công ty bảo toàn vốn, chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định.

Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông.

Xin trân trọng cảm ơn!

### **Nơi nhận:**

- Các cổ đông Cty;
- HĐQT; BKS, BGD;
- Lưu: VP; HĐQT, BKS.



Số: 1218 /TTr-TĐN

Cẩm Phá, ngày 16 tháng 4 năm 2019

## TỜ TRÌNH

Về việc thông qua điều chỉnh dự án “Cải tạo mở rộng mỏ than Đèo Nai  
- Công ty cổ phần than Đèo Nai -TKV”

Kính gửi: Các quý vị cổ đông

### I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

Dự án “Cải tạo mở rộng mỏ Than Đèo Nai - Công ty CP Than Đèo Nai-TKV”, đã được: Đại hội đồng cổ đông của Công ty CP Than Đèo Nai-TKV biểu quyết thông qua kế hoạch đầu tư dự án, với tổng số phiếu tán thành là 7.109.753 phiếu bằng 98,35% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết (tại Nghị quyết số 05/NQ-DHĐCĐ ngày 09/02/2009);

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ, Hội đồng Quản trị Công ty CP Than Đèo Nai-TKV phê duyệt Dự án Đầu tư xây dựng công trình “Cải tạo mở rộng mỏ Than Đèo Nai - Công ty CP Than Đèo Nai-TKV” tại Quyết định số 377/QĐ-HĐQT ngày 09/02/2009, với các nội dung chính:

1. Tên dự án: Cải tạo mở rộng mỏ Than Đèo Nai - Công ty CP Than Đèo Nai-TKV.

2. Chủ đầu tư: Công ty CP Than Đèo Nai-TKV.

3. Tổ chức lập dự án và lập thiết kế cơ sở: Công ty CP Tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp-TKV.

4. Tổ chức lập báo cáo đánh giá tác động môi trường: Trung tâm quan trắc và phân tích môi trường Tỉnh Quảng Ninh.

5. Mục tiêu đầu tư: Cải tạo mở rộng mỏ Than Đèo Nai nâng cao sản lượng mỏ đáp ứng nhu cầu Than trong nước, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển ngành Than Việt Nam.

6. Nội dung và quy mô đầu tư:

- Trữ lượng mỏ:

+ Trữ lượng huy động địa chất vào thiết kết tính đến cốt cao đáy mỏ  
-375m: 55.525.846 tấn;

+ Trữ lượng công nghiệp: 61.290.000 tấn;

- Công suất thiết kế:

+ Theo than nguyên khai: 2.500.000 tấn/năm;

+ Theo than thương phẩm: 2.153.570 tấn/năm.

- Tuổi thọ mỏ: 30 năm (từ năm 2009 đến năm 2039).

7. Địa điểm xây dựng: Tại khai trường mỏ than Đèo Nai – Thị xã Cẩm Phá (nay là Thành phố Cẩm Phá) – Tỉnh Quảng Ninh.

8. Tổng mức đầu tư: 3.033.329.392.000 đồng.

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	281.317.286.000 đồng
- Chi phí thiết bị:	1.999.698.250.000 đồng
- Chi phí bồi thường GPMB:	10.000.000.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án:	22.396.347.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư XD:	89.103.406.000 đồng
- Chi phí khác:	217.516.223.000 đồng
- Chi phí dự phòng:	413.297.880.000 đồng

(Bằng chữ: Ba nghìn, không trăm ba mươi ba tỷ, ba trăm hai mươi chín triệu đồng chẵn).

9. Nguồn vốn đầu tư: Vay thương mại và các nguồn huy động hợp pháp khác của Công ty CP Than Đèo Nai-TKV;

10. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

11. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2009 đến năm 2013.

## **II. QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN**

Từ năm 2009 đến nay 31/12/2016, Công ty CP Than Đèo Nai đã triển khai thực hiện đầu tư dự án cụ thể như sau (có bảng chi tiết kèm theo):

### **1. Quá trình triển khai thực hiện, các biến động thay đổi lớn làm ảnh hưởng đến dự án**

#### **1.1. Giai đoạn 2009 + 2014:**

Trong quá trình thực hiện dự án có nhiều yếu tố khách quan làm ảnh hưởng trực tiếp đến dự án như: tài liệu địa chất thay đổi; mối liên hệ khai thác, vận tải, đổ thải và thoát nước trong vùng đan xen ràng buộc lẫn nhau; thực hiện Đề án “Giải pháp khai thác hợp lý các mỏ lộ thiên vùng Cẩm Phả”; ngày 12/9/2012 Tổng giám đốc Tập đoàn ban hành kèm theo Quyết định số 1977/QĐ-Vinacomin phê duyệt “Giải pháp khai thác hợp lý các mỏ lộ thiên vùng Cẩm Phả” theo đó Dự án “Cải tạo mở rộng mỏ than Đèo Nai - Công ty CP Than Đèo Nai-TKV” không phải đầu tư Hệ thống vận tải đất đá liên hợp ô tô - băng tải ra bãi thải Nam Khe Tam – Đông Khe Sim (đây là hạng mục chính của dự án, mỗi năm vận chuyển 15+20 triệu m<sup>3</sup> đất đá); chiếm giá trị lớn trong dự án.

#### **1.2. Giai đoạn 2015 đến nay:**

Để tiếp tục đảm bảo ổn định sản xuất chung cho các mỏ lộ thiên lớn vùng Cẩm Phả (Mỏ Đèo Nai, Cọc Sáu, Cao Sơn) có trình tự khai thác chung hợp lý, tận dụng tối đa được không gian bãi thải tạm, bãi thải trong, hạn chế bãi thải ngoài, đồng bộ về tốc độ xuống sâu, có cung độ vận tải hợp lý nhất nhằm hạ chi phí giá thành SX. Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam đã phê duyệt: “Trình tự khai thác hợp lý 03 mỏ Cọc Sáu - Đèo Nai - Cao Sơn” tại Quyết định số 457/QĐ-Vinacomin ngày 23/3/2015 và được thay thế bằng “Phương án trình tự khai thác hợp lý 03 mỏ Cọc Sáu - Đèo Nai - Cao Sơn” phê duyệt tại Quyết định số 2139/QĐ-TKV ngày 18/8/2016. Quá trình thực hiện theo Giải pháp và Phương án “Trình tự khai thác hợp lý 03 mỏ Cọc Sáu - Đèo Nai - Cao Sơn” đã dẫn đến làm thay đổi cơ bản những nội dung chính của dự án được duyệt, cụ thể đó là:

- Trữ lượng than nguyên khai: Giảm từ 42,5 triệu tấn (theo Giấy phép) xuống 26,5 triệu tấn (theo Phương án 03 mỏ);

- Công suất khai thác, tuổi thọ mỏ: công suất khai thác giảm từ 2,5 triệu tấn than/năm xuống tối đa là 1,75 triệu tấn than/năm; tuổi thọ mỏ giảm từ 30 năm xuống 14 năm (kết thúc năm 2022);

- Cao trình khai thác: Khu vỉa chính thay đổi từ mức -345m lên mức -225m (đáy mỏ nâng lên 120m); Khu Nam Lộ Trí thay đổi từ mức -150m lên mức +50m, để khai thác trên mức thoát nước tự chảy (đáy mỏ nâng lên 100m);

- Trình tự khai thác: Khu vực Nam Lộ Trí kết thúc vào năm 2018 (theo dự án kết thúc năm 2027) để lấy không gian đổ thải cho khu vực Vỉa chính từ năm 2018 + 2022, đồng thời Vỉa chính kết thúc khai thác năm 2022 (theo dự án kết thúc năm 2037). Từ năm 2023 dự án “Khai thác cụm Mỏ Đèo Nai - Cọc Sáu” đi vào hoạt động thay thế cho Dự án “Cải tạo mở rộng mỏ than Đèo Nai - Công ty CP Than Đèo Nai-TKV”.

Mặt khác: Theo Quyết định số **403/QĐ-TTg ngày 14/3/2016** của Thủ tướng Chính phủ V/v phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển ngành than Việt Nam giai đoạn 2020 có xét triển vọng đến 2030” và Quyết định số **1265/QĐ-TTg ngày 24/8/2017** của Thủ tướng Chính phủ V/v phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch phát triển ngành than Việt Nam giai đoạn 2020 có xét triển vọng đến 2030 (điều chỉnh)”. Trong đó có dự án “Cải tạo mở rộng mỏ than Đèo Nai - Công ty CP Than Đèo Nai-TKV”, được phê duyệt điều chỉnh với những nội dung:

- Tên dự án: Đầu tư xây dựng công trình Cải tạo mở rộng mỏ than Đèo Nai - Công ty CP Than Đèo Nai-TKV (điều chỉnh);

- Công suất: **1.750 ngàn tấn than/năm (giảm 750 ngàn tấn than/năm);**

## **2. Kết quả thực hiện dự án**

**2.1. Tiến độ thực hiện dự án:** Đến 31/12/2016, Công ty đã thực hiện hoàn thành toàn bộ công tác đầu tư xây dựng cơ bản của dự án theo đúng tiến độ được HĐQT Công ty CP Than Đèo Nai phê duyệt.

**2.2. Khối lượng, các chỉ tiêu chính của dự án đã thực hiện:** được thể hiện trong bảng sau.

### **2.3. Giá trị đầu tư đã thực hiện:**

**Tổng số: 860.175.297.597 đồng.**

#### Trong đó:

- |                             |                      |
|-----------------------------|----------------------|
| - Chi phí xây dựng:         | 36.597.023.075 đồng  |
| - Chi phí thiết bị:         | 800.269.770.719 đồng |
| - Chi phí bồi thường GPMB:  | 0 đồng               |
| - Chi phí quản lý dự án:    | 0 đồng               |
| - Chi phí tư vấn đầu tư XD: | 17.894.338.008 đồng  |
| - Chi phí khác:             | 5.414.165.795 đồng   |

- Nguồn vốn đầu tư: Vay thương mại, KHTS, ĐTPT và vốn cổ phần của Công ty CP Than Đèo Nai-TKV (Vinacomin).

Trong đó:

+ Vốn vay thương mại:	672.648.637.662 đồng
+ Vốn KHTS:	2.201.075.220 đồng
+ Vốn ĐTPT:	92.511.047.342 đồng
+ Vốn cổ phần:	92.814.537.373 đồng

- Dự án đã được thực hiện hoàn thành giai đoạn thực hiện đầu tư, nhưng chưa quyết toán chung được toàn bộ dự án bởi lý do phải điều chỉnh (Quy mô, công suất và tuổi thọ của mỏ) theo Quyết định số 403/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ V/v phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển ngành than Việt Nam giai đoạn 2020 có xét triển vọng đến 2030" và Quyết định số 1265/QĐ-TTg ngày 24/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ V/v phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch phát triển ngành than Việt Nam giai đoạn 2020 có xét triển vọng đến 2030 (điều chỉnh)".

### III. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN

#### 1. Sự cần thiết phải điều chỉnh của dự án, các điều kiện để thực hiện đầu tư, đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch đầu tư.

Với những thay đổi nêu tại khoản 1 - mục II trên, đã làm thay đổi cơ bản nội dung dự án đầu tư xây dựng công trình "Cải tạo mở rộng mỏ than Đèo Nai - Công ty CP Than Đèo Nai-TKV" về: Quy mô, công suất; tuổi thọ mỏ; cao trình khai thác, đồ thái và trình tự thực hiện... Do vậy cần phải điều chỉnh dự án. Căn cứ điểm c - khoản 1 - Điều 61 - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 quy định: Khi quy hoạch xây dựng thay đổi có ảnh hưởng trực tiếp đến dự án, thì được điều chỉnh dự án và phù hợp với quy định của pháp luật. Việc điều chỉnh dự án nhằm thực hiện đúng "Quy hoạch phát triển Ngành than Việt Nam đến năm 2020 có xét triển vọng đến năm 2030 (điều chỉnh) đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh, bổ sung tại Quyết định số 403/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 và Quyết định số 1265/QĐ-TTg ngày 24/8/2017; đủ điều kiện để quyết toán dự án và điều chỉnh các nội dung dưới đây:

- Điều chỉnh công suất dự án là 1.750 ngàn tấn than/năm và tuổi thọ mỏ làm cơ sở điều chỉnh dự án, giấy phép khai thác phù hợp đảm bảo các điều kiện liên quan cho việc triển khai lập và phê duyệt Dự án "Cụm mỏ Đèo Nai - Cọc Sáu" bắt đầu hoạt động từ năm 2023;

- Điều chỉnh giảm chi phí tiền cấp quyền khai thác **288.264.685.261** đồng (theo phương án 03 mỏ tính toán lại là **519.024.828.739** đồng/**807.289.514.000** đồng theo Quyết định số 2130/QĐ-BTNMT ngày 30/9/2014). Do giảm trữ lượng than nguyên khai từ 42,5 triệu tấn (theo Giấy phép) xuống 26,5 triệu tấn (theo Phương án 03 mỏ);

- Điều chỉnh lại nội dung dự án Cải tạo phục hồi môi trường, để tổ chức thực hiện, xác nhận hoàn thành và rút tiền ký quỹ, với tổng số tiền là **88.646.959.000** đồng. Do quá trình thực hiện theo Giải pháp và Phương án của Tập đoàn phê duyệt cơ bản không phù hợp với nội dung dự án Cải tạo phục hồi môi trường được Bộ TN&MT phê duyệt;



- Điều chỉnh các nội dung khác của dự án về khai thác, đổ thải... để phù hợp với "Phương án trình tự khai thác hợp lý 03 mỏ Cọc Sáu – Đèo Nai – Cao Sơn" được Tập đoàn TKV phê duyệt tại Quyết định số 2139/QĐ-TKV ngày 18/8/2016 và các quy định hiện hành của pháp luật.

Việc đầu tư và điều chỉnh dự án phù hợp với kế hoạch đầu tư đã được Tập đoàn TKV thông qua hàng năm.

## **2. Nội dung điều chỉnh.**

1. Điều chỉnh tên dự án: Đầu tư xây dựng công trình Cải tạo mở rộng mỏ than Đèo Nai - Công ty CP Than Đèo Nai-TKV (điều chỉnh).

2. Mục tiêu điều chỉnh dự án: Đáp ứng nhu cầu cung cấp than cho nền kinh tế, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển ngành Than theo Quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 403/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 và Quyết định số 1265/QĐ-TTg ngày 24/8/2017; làm cơ sở cho việc điều chỉnh các bước tiếp theo của dự án phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành...

3. Điều chỉnh quy mô công suất, tuổi thọ mỏ:

- Công suất thiết kế: 1,75 triệu tấn than/năm;

- Tuổi thọ mỏ: 13 năm (từ năm 2009, kết thúc năm 2022).

4. Điều chỉnh biên giới, trữ lượng khai trường:

- Cốt cao đáy mỏ:

+ Khu vỉa chính: -225 m;

+ Khu Nam Lộ Trí: +50 m.

- Kích thước khai trường khu vỉa chính:

+ Chiều dài: 2.140m;

+ Chiều rộng: 1.810m.

5. Điều chỉnh địa điểm xây dựng: Thành phố Cẩm Phả - tỉnh Quảng Ninh.

6. Điều chỉnh nhóm dự án: Nhóm dự án là nhóm B; loại và cấp công trình là công trình công nghiệp cấp III.

7. Điều chỉnh đầu tư các hạng mục công trình:

- Không thực hiện đầu tư các hạng mục công trình:

+ Phần mặt bằng: Phân xưởng trạm mạng; Phân xưởng vận tải 4, 5, 6, 8, 9, 12; Công trường Khoan, Xúc, Gạt; Phân xưởng cơ điện; phân xưởng sửa chữa ô tô; Trung tâm Điều hành sản xuất; Cụm sàng nam moong; Hệ thống băng tải từ khu Lộ trí ra bãi thải Nam Khe Tam; Xưởng sàng; Trạm biến áp 35kV mặt bằng +118 và Trạm biến áp 35kV phục vụ tuyến băng tải đá.

+ Phần xây dựng: Phân xưởng vận tải 4, 9, 12; Công trường xúc; Trung tâm điều hành sản xuất; Phân xưởng cơ điện; Phân xưởng sửa chữa ô tô; Công trường cơ khí cầu đường; Công trường than thủ công; Nhà ăn số 1, 8, 11; Hệ thống sàng tuyển than; Hệ thống cấp nước; Thoát nước khai trường; Cấp điện khai trường; Các công trình bảo vệ môi trường.

+ Phần thiết bị: Tuyến băng tải đá và bun ke nhận đá thải (trọn bộ thiết bị); Thiết bị thoát nước khai trường; Thiết bị xưởng sửa chữa cơ điện và xưởng bảo dưỡng ô tô; Thiết bị trạm biến áp cấp điện cho hệ thống băng tải đá; 01 xe ca chở người 35÷40 chỗ, 01 máy gạt bánh xích công suất  $\geq 200\text{HP}$ , 04 xe tưới đường dung

tích tểc chứa nước  $\geq 10m^3$ , 02 xe ô tô tự đổ khung cứng tải trọng 90+100 tấn, 02 xe tưới đường dung tích tểc chứa nước  $\geq 20m^3$ ; 03 xe ô tô tự đổ khung cứng tải trọng 35+40 tấn; chỉ phí ủy thác nhập khẩu, tiếp nhận vận chuyển, bảo quản, giám định chất lượng thiết bị.

- Không thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng và quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình (chủ đầu tư tự quản lý).

- Đầu tư bổ sung các thiết bị: 01 máy san gạt bánh lốp công suất  $\geq 240HP$ ; 05 xe ô tô tự đổ khung cứng tải trọng 55 ÷ 60 tấn (đã thực hiện).

- Điều chỉnh quy mô, vị trí các hạng mục: Công trường Băng tải; Phân xưởng vận tải 5, 6, 8; Kho vật tư; Công trường Khoan; Phân xưởng Trạm mạng; Trạm biến áp công suất 35/6 kV; Di chuyển hồ nhận than mặt bằng +30 cho phù hợp với nhu cầu sản xuất của mỏ.

#### 8. Điều chỉnh tổng mức đầu tư:

STT	Nội dung chi phí	Giá trị (1000 đồng)		
		Trước thuế	Thuế VAT	Sau thuế
<b>A</b>	<b>ĐÃ THỰC HIỆN</b>	<b>787.409.219</b>	<b>72.766.079</b>	<b>860.175.297</b>
1	Chi phí xây dựng	33.270.021	3.327.002	36.597.023
2	Chi phí thiết bị	732.547.937	67.721.833	800.269.771
3	Chi phí tư vấn ĐTXD	16.267.580	1.626.758	17.894.338
4	Chi phí khác	5.323.681	90.485	5.414.166
	- Chi phí khác	4.196.016	90.485	4.286.501
	- Lãi vay	1.127.664		1.127.664
<b>B</b>	<b>THỰC HIỆN TIẾP</b>	<b>10.242.316</b>	<b>900.564</b>	<b>11.142.880</b>
1	Chi phí tư vấn ĐTXD	6.988.149	698.815	7.686.964
2	Chi phí khác	2.792.194	158.865	2.951.059
	- Chi phí khác	2.251.309	158.865	2.410.174
	- Lãi vay	540.885		540.885
3	Chi phí dự phòng	461.973	42.884	504.857
	<b>TỔNG SỐ (A+B)</b>	<b>797.651.535</b>	<b>73.666.642</b>	<b>871.318.177</b>

9. Điều chỉnh nguồn vốn: Vay thương mại, khấu hao tài sản cố định, đầu tư phát triển và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của Công ty CP Than Đèo Nai-Vinacomin;

10. Điều chỉnh thời gian thực hiện dự án: Năm 2009 ÷ 2019.

#### IV. ĐỀ NGHỊ

Việc điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng công trình “Cải tạo mở rộng mỏ than Đèo Nai - Công ty CP Than Đèo Nai - TKV” là thực sự cấp thiết để đảm bảo phù hợp với “Quy hoạch phát triển ngành than Việt Nam đến năm 2020, có xét triển vọng đến năm 2030”.

Đề xuất chủ chương đầu tư điều chỉnh và đề cương dự toán Dự án đầu tư xây dựng công trình “Cải tạo mở rộng mỏ than Đèo Nai - Công ty CP Than Đèo Nai-TKV” đã được Hội đồng thành viên thông qua tại Nghị Quyết số

17/2018/NQ-HĐTV ngày 07/5/2018 và thông báo tại Văn bản số 2810/TKV-ĐT ngày 29/5/2018.

Tổng giám đốc Tập đoàn đã có Công văn số 1504/TKV-ĐT ngày 29/3/2019 về việc thông qua nội dung điều chỉnh dự án Đầu tư xây dựng công trình Cải tạo mở rộng mỏ than Đèo Nai.

Trên cơ sở đó, Hội đồng Quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua nội dung điều chỉnh dự án “Cải tạo mở rộng mỏ than Đèo Nai - Công ty CP than Đèo Nai-TKV” để HĐQT công ty triển khai các công việc tiếp theo./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông Công ty;
- Lưu VT, VPHĐQT

**TM. BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI  
CHỦ TỊCH HĐQT**



**Phạm Hồng Tài**

